

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Sĩ Quang**.

Ông **Nguyễn Văn Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh ngày 20/7/1996.

CMND số 142768893 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 05/01/2013.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh ngày 26/11/1995.

Hộ chiếu số C5163797 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11/05/2018.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm Đ, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Người được anh H, chị T ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Bà **Đoàn Thị Kiều T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: đường N, phường B, thành phố H.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (nay là phường Đ, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 19/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì cùng sang Nhật Bản lao động. Tuy nhiên mỗi người sống một nơi khác nhau, thời gian đầu vợ chồng có gặp gỡ nhưng do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù hai vợ chồng đã tìm cách hoà giải tháo gỡ nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn cứ tiếp diễn và ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tại anh đã về Việt Nam sinh sống, còn chị T vẫn ở lại Nhật Bản, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị T.

Về con chung, tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên anh ủy quyền cho bà Đoàn Thị Kiều T thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H có quan hệ hôn nhân như anh H trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì cùng sang Nhật Bản làm ăn nhưng không sống cùng nhau, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có trách nhiệm, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ lâu. Nay, anh H có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị T đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho bà Đoàn Thị Kiều T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được anh H, chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - Bà Đoàn Thị Kiều T trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của anh H và chị T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh H và chị T biết, anh H và chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H ly hôn chị Vũ Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H hiện đang cư trú tại khu dân cư Trụ Hạ, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Bị đơn chị Vũ Thị T có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở xóm Đ, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù chị T không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền, các tài liệu này đã được Tổng lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại Osaka Nhật Bản chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, quan điểm ly hôn của chị T là hoàn toàn tự nguyện. Anh H và chị T đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (nay là phường Đ, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 19/9/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì cùng sang Nhật Bản làm ăn. Tuy nhiên mỗi người sống một nơi khác nhau, thời gian đầu vợ chồng có gặp gỡ nhưng do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh chị đã tìm cách hoà giải tháo gỡ nhiều lần nhưng mâu Tẫn vẫn cứ tiếp diễn và ngày càng trầm trọng hơn. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H có đơn xin ly hôn, chị T nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu Tẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn chị T.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh H, chị T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H ly hôn chị Vũ Thị T.
2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai T số AA/2021/0000013 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ, TP. C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường